

PHỤ LỤC 1:

I. CÁC TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC MIỄN THI MÔN TIẾNG ANH

1. Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài bằng một trong các ngôn ngữ: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức, Nhật, Hàn Quốc, được Cục Khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục- Bộ Giáo dục và đào tạo công nhận văn bằng;

2. Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam được cấp bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTL, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

3. Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài một trong các ngôn ngữ: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức, Hàn Quốc, Nhật;

4. Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục 1 (xem phụ lục 1, Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ GD&ĐT) hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

5. Ứng viên đã có 1 bằng Đại học khác và đang theo học đại học ngành ngôn ngữ tiếng Anh tại trường ĐHLTV; Ứng viên đang theo học chương trình đào tạo đại học Ngôn ngữ nước ngoài có giấy xác nhận hợp pháp của cơ sở giáo dục Đại học (kèm theo làm minh chứng); Người có bằng tốt nghiệp trình độ đại học do các trường đã được kiểm định chương trình đào tạo cấp trong thời gian không quá 02 năm tính đến ngày xét tuyển..

II. BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German	TestDaF Bậc 3	TestDaF Bậc 4

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
		TestDaF language certificate	(TDN 3)	(TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2